

Bản án số: 322/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Hậu;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1603/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim Á**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 2, tổ H, khu phố B, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông **Đỗ Công T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 7, tổ A, khu phố D, phường T, thành phố Đ.

(Bà **Á** có đơn xin vắng mặt, ông **T** có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim Á trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **T** chung sống từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ), hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, ông **T** thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đe dọa bà nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng

lẫn nhau. Đỉnh điểm là vào khoảng từ đầu tháng 3/2026 đến nay bà phát hiện ông T có sử dụng ma túy. Từ đó vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Nên nay bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Phương A, sinh ngày 18/10/2023. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Công T trình bày:

Ông đồng ý với phần trình bày của bà A về thời gian và địa điểm kết hôn. Nay bà A xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Lý do, là trong quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay bà A xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Phương A, sinh ngày 18/10/2023. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà A, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân nên đồng ý ly hôn với bà A. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông T về quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Nguyễn Phương A, sinh ngày 18/10/2023 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy

định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim Á yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Công T, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, con chung”; bà Nguyễn Thị Kim Á là nguyên đơn, ông Đỗ Công T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đỗ Công T hiện đang cư trú tại phường T, thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Á có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Á theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Kim Á và ông Đỗ Công T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 27/10/2023 đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Á, trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần cãi vã, ông T có sử dụng ma túy dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn ông T cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà Á nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân nên đồng ý ly hôn với bà Á. Xét đây là sự tự nguyện của ông T tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giải quyết cho bà Á được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Á và ông T có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Phương A, sinh ngày 18/10/2023. Ly hôn bà Á và ông T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Đỗ Nguyễn Phương A, sinh ngày 18/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Phương A chưa được 36 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Bà Á và ông T không thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, nhằm

bảo đảm sự phát triển ổn định và quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào quy định của pháp luật, đồng thời con chung là cháu gái nên xét thấy cần giao con chung cho bà **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà **A** không yêu cầu nên tạm thời ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **A**, ông **T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà **A** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kim Á**. Bà **Nguyễn Thị Kim Á** được ly hôn với ông **Đỗ Công T**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Đỗ Nguyễn Phương A**, sinh ngày 18/10/2023 cho bà **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Kim Á** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà **A** đã nộp tại biên lai thu tiền số 0014783 ngày 17/6/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự **thành phố Đ**. Bà **A** đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Thúy